

THỐNG KÊ SỨC KHỎE

Giữa năm học 2023-2024 (tháng 12/2023)

Trẻ SDD thể nhẹ cân không chấm biểu 3. Tất cả trẻ còn lại chấm đủ 3 biểu

STT	THÁNG	Mẫu Giáo Thuận Thành								
		Tổng số HS của trường	TSHS được KSK	TSHS được cân đo và theo dõi BĐTT	TS THEO DÕI CÂN NẶNG (Biểu 1)	TRẺ SDD THỂ NHẸ CÂN	TS THEO DÕI CHIỀU CAO (Biểu 2)	TRẺ SDD THỂ THẤP CÒI	TS THEO DÕI CÂN NẶNG + CHIỀU CAO (Biểu 3)	TRẺ THỪA CÂN, BÉO PHÌ
1	12	187	187	187	187	1	187	1	186	28

HIỆU TRƯỞNG



NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 12 năm 2023

TỔNG HỢP THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ THÁNG 12
Năm học: 2023-2024

STT	GVCN	Lớp	Tổng số trẻ	Nữ	Đã khám sức khỏe	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI												Các bệnh khác
						Cân nặng BT	SDDT NC	SDDT NCM ĐN	Chiều cao BT	SDDT TC	SDDT TCM ĐN	SDDT GC	SDDT GCM ĐN	Thừa cân	Béo Phì	Cao hơn		
1	Phạm Thị Huyền Trang Phan Thị Hồng Cúc	Lá 1	34	17	34	26	0	0	33	1	0	0	0	0	8	0		
2	Võ Thị Thúy Hằng Ngô Thị Thu Thủy	Lá 2	34	15	34	30	0	0	34	0	0	0	0	0	4	0		
3	Trần Thị Bạch Huệ Lâm Kim Ngọc Trâm	Lá 3	34	13	34	27	0	0	34	0	0	0	0	3	4	0		
4	Huỳnh Thị Kim Liên Ngô Thị Ngọc Mai	Chồi 1	30	15	30	28	0	0	30	0	0	0	0	0	2	0		
5	Nguyễn Thị Thu Thảo Đinh Thị Mai Quyên	Chồi 2	25	13	25	24	0	0	25	0	0	0	0	1	0	0		
6	Trần Thị Ngọc Hương Võ Thị Ngọc Oanh	Chồi 3	30	13	30	23	1	0	30	0	0	0	0	2	4	0		
TỔNG CỘNG		6	187	86	187	158	1	0	186	1	0	0	0	6	22	0		
TỈ LỆ (%)			100	46.0	100	84.5	0.5	0.0	99.5	0.5	0.0	0.0	0.0	3.2	11.8	0.0		

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Lan

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)



Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 1 THÁNG 12
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Hoàng Nhã Phương	02/01/2018	x	16		106			
2	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	13/01/2018	x	23.5		118			
3	Nguyễn Trịnh Gia Phú	26/01/2018		24.5		122			
4	Trần Đức An	28/01/2018		21		113			
5	Văn Thái Tiểu Mai	05/02/2018	x	21		113			
6	Võ Phúc Lâm	05/02/2018		22		117			
7	Võ Hoàng Tài Lộc	15/02/2018		19		116			
8	Lê Hoài Khánh Vy	02/03/2018	x			124			35.5
9	Phan Nguyễn Ngọc Hào	20/03/2018	x	23		118			
10	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	29/03/2018	x			126			33
11	Nguyễn Thị Hà Vy	9/4/2018	x	15.5		105			
12	Phan Bình An	20/4/2018				121			29
13	Bùi Trần Thanh Thơ	19/04/2018	x	20		115			
14	Lê Văn Ngọc Sơn	6/5/2018		24.5		122			
15	Phạm Thị Bảo Trâm	03/7/2018	x	18		112			
16	Trần Hoàng Ngọc Châu	08/07/2018	x	17.5		108			
17	Khê Minh Hiếu	19/7/2018				120			29
18	Lê Thành Phát	22/07/2018		24		120			
19	Nguyễn Bảo Hân	24/07/2018	x	21		117			
20	Ngô Mạnh Hiền	26/07/2018		20		112			
21	Lê Minh Thắng	3/8/2018		22.5		117			
22	Lê Đức Thịnh	06/08/2018		22		116			
23	Nguyễn Hoàng Dương	03/09/2018				126			30
24	Nguyễn Lê Gia Phúc	25/09/2018		16.5			101		
25	Bùi Ngọc Phương Trúc	05/10/2018	x	17		101			
26	Nguyễn An An	08/10/2018	x	20		109			
27	Võ Thị Thảo Tiên	09/10/2018	x	17		103			
28	Lê Ngọc Gia Hân	01/11/2018	x	20		109			
29	Nguyễn Thiên Phú	06/11/2018		19.5		115			
30	Nguyễn Tấn Tài	17/11/2018				106			29

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Thiêm Ngọc Minh Thư	27/11/2018	x	22		117			
32	Võ Ngọc Kim Trúc	30/11/2018	x	18		112			
33	Đoàn Nguyễn An Bình	10/12/2018				113			30
34	Phan Nguyễn Quốc Việt	22/12/2018				111			30
TỔNG CỘNG		34	17	26		33	1	0	8
TỶ LỆ (%)		100	51.5	76.4		97	2.9	0	23.5

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Huyền Trang
Phan Thị Hồng Cúc..

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 12 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 2 THÁNG 12

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trần Quốc Huy	3/01/2019		21.5		114			
2	Nguyễn Kim Vương	25/01/2018		24		120			
3	Nguyễn Phúc Khang	25/01/2018		18.5		110			
4	Lê Tuấn Kiệt	26/01/2018		16.5		112			
5	Trần Ngọc Yến Nhi	8/02/2018	x	16.5		111			
6	Võ Gia Khiêm	19/02/2019		19		110			
7	Trần Ngọc Bích	24/02/2018	x	20.5		111			
8	Bùi Tiến Dũng	07/03/2018				123			28.5
9	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/04/2018	x			115			24
10	Hà Thị Mỹ Tiên	05/5/2018	x	22		115			
11	Lâm Võ Minh Thi	02/06/2018	x	17		105			
12	Nguyễn Trí An	12/6/2018		16		104			
13	Kiều Lâm Bảo Ngọc	17/06/2018	x	18		112			
14	Nguyễn Lâm Hùng Vỹ	03/07/2018		16		107			
15	Phạm Thị Kim Ngân	16/07/2018	x	19		113			
16	Võ Ngọc Minh Khuê	19/07/2018	x	20		113			
17	Trương Tuệ Nghi	27/07/2018	x	18		112			
18	Nguyễn Bảo Ngọc	30/07/2018	x	18		107			
19	Nguyễn Phạm Ngọc Giàu	02/8/2018		15.5		103			
20	Nguyễn Ngọc Khả Hân	11/08/2018	x	16.5		112			
21	Phan Minh Đăng	25/08/2018		18.5		115			
22	Phạm Thiên Minh	14/09/2018				122			34
23	Huỳnh Nguyễn Phúc Xuân	18/09/2018	x	21		114			
24	Nguyễn Trọng Hiếu	26/09/2018				123			36
25	Phạm Khánh Vân	13/10/2018	x	20		110			
26	Nguyễn Huỳnh Thiên	4/11/2018		21.5		115			
27	Trần Gia Bảo	20/11/2018		24		121			
28	Trần Công Duy	22/11/2018		16		107			
29	Trần Phương Anh	01/12/2018	x	15.5		107			
30	Nguyễn Lê Thành Đạt	07/12/2018		25		116			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Hoàng Minh Hiếu	14/12/2018		15.5		108			
32	Phan Nhật Bình An	16/12/2018		18		109			
33	Lê Ngọc Thúy Hằng	16/12/2018	x	17		107			
34	Bùi Hùng Cường	29/12/2018		19		118			
TỔNG CỘNG		34	15	30	0	34		0	4
TỶ LỆ (%)		100	44.1	88.2	0	100		0	11.7

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Võ Thị Thúy Hằng ...
Ngô Thị Thu Thủy ...

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 12 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 3 THÁNG 12

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Quang Khải	03/01/2018		19		108			
2	Ngô Thị Kim Tuyên	04/01/2018	x	20		117			
3	Lê Tấn Trường	13/01/2018				121			27.5
4	Huỳnh Anh Thư	18/01/2018	x			116		23	
5	Lê Hoàng Tú	24/01/2018				119			29.5
6	Nguyễn Bá Hữu	02/03/2018		23		118			
7	Trần Võ Duy Khoa	05/03/2018		17		110			
8	Đoàn Thiên Long	12/03/2018		19		112			
9	Dương Bình Minh	25/4/2018		18.5		112			
10	Dương Quang Khải	12/04/2018		20		117			
11	Võ Hào Quang Hải	8/5/2018		18		110			
12	Dương Minh Châu	3/5/2018	x	15.5		105			
13	Dương Gia Bảo	11/5/2018		20		114			
14	Dương Minh Ngọc	21/5/2018	x	18		112			
15	Phạm Gia Huy	30/5/2018		18.5		107			
16	Dương Minh Anh	30/5/2018	x	20		113			
17	Dương Minh Hằng	9/6/2018	x	15		105			
18	Lâm Trường Vũ	14/06/2018		19		107			
19	Dương Minh Phúc	19/6/2018		19.5		114			
20	Lê Nhật Huy	15/07/2018		20		110			
21	Trần Ngọc Uyên Thư	24/7/2018	x	22		115			
22	Cao Nguyễn Hoài Thương	13/08/2018	x			114			28
23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	27/08/2018	x	18		105			
24	Huỳnh Thế Khải	06/09/2018				117		25	
25	Phan Đỗ Huỳnh Lý Boon	23/9/2018		21		113			
26	Nguyễn Trần Bảo Châu	19/10/2018	x	21		112			
27	Nguyễn Thành Nhân	29/10/2018		21		113			
28	Đoàn Ngọc Lan Vy	07/11/2018	x			114		23	
29	Lê Hoàng Thắng	16/11/2018		19		108			
30	Huỳnh Nhật Hiếu	16/11/2018		16		103			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Phan Ánh Kim	09/12/2018	x	22		112			
32	Huỳnh Minh Khang	22/12/2018		15.5		107			
33	Lê Đỗ Hoàng Khang	29/12/2018				114			29
34	Ngô Thị Thanh Loan	30/12/2018	x	16.5		104			
TỔNG CỘNG		34	13	27		34		3	4
TỶ LỆ (%)		100	38.2	79.4		100		8.8	11.7

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Trần Thị Bạch Huệ ...
Lâm Kim Ngọc Trâm ...
Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 12 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 1 THÁNG 12
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Văn Minh Hạo	13/1/2019				103			21.5
2	Nguyễn Tuấn Khoa	14/1/2019		19		114			
3	Nguyễn Ánh Dương	14/01/2019	x	23		113			
4	Đặng Ngọc Minh Anh	18/01/2019	x	22		109			
5	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	9/2/2019	x	20		111			
6	Nguyễn Thành Đạt	7/3/2019		17.5		110			
7	Nguyễn Lê Quỳnh Như	17/3/2019	x	15.5		105			
8	Nguyễn Kim An	20/3/2019	x	15.5		100			
9	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	31/3/2019	x	18		108			
10	Đoàn Huyền Anh	8/4/2019	x	18		105			
11	Nguyễn Hữu Vinh	17/4/2019		17		105			
12	Nguyễn Minh Tân	23/4/2019				121			35
13	Lưu Minh Thiên Phú	17/5/2019		22		115			
14	Nguyễn Hồ Phương Quỳnh	23/5/2019	x	21		112			
15	Nguyễn Lê Hiếu Tín	31/7/2019		15		103			
16	Nguyễn Thị Kim Anh	9/8/2019	x	17		103			
17	Trần Minh Đạt	18/8/2019		18.5		108			
18	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/8/2019	x	15		105			
19	Nguyễn Trần Thanh Hà	01/9/2019	x	16		104			
20	Đào Ngọc Kiều Lan	14/9/2019	x	14		97			
21	Phan Minh Mẫn	4/10/2019		15		99			
22	Đoàn Ngọc Trúc Quỳnh	16/10/2019	x	16		107			
23	Đoàn Ngọc Như Quỳnh	16/10/2019	x	18.5		104			
24	Nguyễn Hoàng Tấn Phúc	5/11/2019		19		109			
25	Trần Nguyễn Thanh Duy	2/7/2019		17.5		107			
26	Trương Hoàng Lâm	9/11/2019		13		98			
27	Tôn Nguyễn Minh Thiện	26/11/2019		15		98			
28	Nguyễn Ngọc Như Ý	30/11/2019	x	21		108			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Đông Quân	28/12/2019		20		106			
30	Phạm Nguyễn Phúc Thịnh	28/12/2019		20		109			
TỔNG CỘNG		30	15	28		30		0	2
TỶ LỆ (%)		100	50	93.3		100		0	6.6

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Hồng Lan

Huỳnh Thị Kim Liên

Ngô Thị Ngọc Mai

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 12 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 2 THÁNG 12
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Cao Thái Trân	11/01/2019	x	24		113			
2	Đỗ Ngọc Xuân Nhã	12/01/2019	x	14		102			
3	Vũ Nguyễn Lưu Thịnh	16/01/2019		15.5		107			
4	Lâm Phước Như Ý	31/1/2019	x	22		113			
5	Nguyễn Trần Gia Huy	3/2/2019		18		102			
6	Nguyễn Minh Đăng	20/3/2019		17.5		100			
7	Lê Bùi Bích Trâm	19/3/2019	x	19		109			
8	Khưu Thanh Lôi	5/4/2019		20		111			
9	Mai Thái Gia Hào	30/4/2019	x	16		103			
10	Tạ Lê Bảo Thy	12/5/2019	x	20		107			
11	Võ Ngọc Thủy Tiên	14/5/2019	x	17		110			
12	Nguyễn Ngọc Hà Phương	15/5/2019	x	15		103			
13	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/6/2019		17		102			
14	Phan Ngọc Khánh My	26/6/2019	x	24		113			
15	Phan Lê Đăng Khang	24/7/2019		15		100			
16	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	29/7/2019	x	18		107			
17	Trần Nhật Bảo Khang	3/8/2019		18		107			
18	Lê Trần Đan Thư	12/8/2019	x			107		22	
19	Nguyễn Trung Kiên	13/8/2019		22		111			
20	Lê Ngọc Như Ý	19/8/2019	x	14		100			
21	Từ Hồng Anh	23/9/2019		19.5		109			
22	Khưu Minh Khôi	29/9/2019		19		109			
23	Võ Bá Hiên	30/9/2019		18		107			
24	Nguyễn Võ Thiên Phước	20/12/2019		14		99			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
25	Cao Phương Quỳnh	20/12/2019	x	18.5		101			
TỔNG CỘNG		25	13	24	0	25		1	0
TỶ LỆ (%)			52	96	0	100		4	0

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Nguyễn Thị Thu Thảo

Đinh Thị Mai Quyền

Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 3 THÁNG 12
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trần Nguyễn Bảo Khang	12/1/2019		18.5		107			
2	Ngô Minh Tiến	15/1/2019		24		117			
3	Phan Ngọc Mai	28/01/2019	x	15		103			
4	Lê Hải Phong	3/2/2019		19		113			
5	Mai An Nhiên	15/02/2019	x	24.5		116			
6	Nguyễn An Phước	17/2/2019		19		108			
7	Phan Thành Đạt	21/2/2019		22		111			
8	Đặng Phan Thiên Phúc	7/3/2019		17		110			
9	Nguyễn Thị Lan Vy	22/3/2019	x	17		106			
10	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	30/3/2019	x			117		29	
11	Huỳnh Nguyên Bảo	8/4/2019				111			26
12	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/4/2019				120			35
13	Lương Quỳnh Hiểu Lam	29/4/2019	x	16		105			
14	Trần Võ Sơn Trà	5/6/2019	x	18		105			
15	Nguyễn Minh Trường	8/6/2019		15		98			
16	Lương Thanh Bảo Khang	12/6/2019			13.5	103			
17	Nguyễn Gia Khánh	15/7/2019				121			34
18	Hồ Tấn Phát	20/7/2019		22		108			
19	Trần Cao Lâm	27/7/2019		20		108			
20	Cam Nguyễn An Nhiên	5/8/2019	x			107		21.5	
21	Đỗ Trần Gia Hưng	14/8/2019		18		103			
22	Trần Duy Phúc	20/8/2019		20		107			
23	Đỗ Ngọc Nhã Uyên	28/8/2019	x	18		103			
24	Nguyễn Anh Tuấn	31/8/2019		19.5		109			
25	Trần Huyền Bảo Khánh	25/9/2019	x	16		102			
26	Nguyễn Ngọc Cát Tường	26/9/2019	x	15.5		101			
27	Phạm Linh Chi	17/10/2019	x			105			29
28	Huỳnh Vĩnh Khang	17/11/2019		15.5		105			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Thị Trúc Mai	4/12/2019	x	15.5		98			
30	Nguyễn Trúc Quỳnh	30/12/2019	x	15		99			
TỔNG CỘNG		30	13	23	1	30	0	2	4
TỶ LỆ (%)		100	43.3	76.6	3.3	100	0	6.6	13.3

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Trần Thị Ngọc Hương
Võ Thị Ngọc Oanh

Phạm Thị Thanh Hằng